

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 -VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2025

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc;

Ông Đoàn Kim Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - VL.

Ngày 15 tháng 08 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 -VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 26/03/1962; CCCD: 083162002766; địa chỉ: 3 ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh BT (nay là ấp Q, xã C, tỉnh VL). Nơi tạm trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh BT (nay là ấp L, xã C, tỉnh VL) có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 20/01/1962; CCCD: 083062002427; địa chỉ: 3 ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh BT (nay là ấp Q, xã C, tỉnh VL). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay (bà K) trình bày: vào năm 1979 bà K, với ông P quen biết tự tìm hiểu, rồi tổ chức kết hôn với nhau theo phong tục tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn bà K về chung sống cùng ông P và chuyển hộ khẩu về địa chỉ: 3 ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh BT, nhưng hiện tạm trú tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh BT (nay là ấp L, xã C, tỉnh VL). Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do quan điểm sống giữa vợ chồng không còn phù hợp. Ông P đi làm ở S lâu lâu mới về, còn bà K thì ở tại địa phương, cuộc sống mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai.

Từ đó, bà K nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, không có tiếng nói chung, nên ly hôn là cách tốt nhất để ông P và bà K có cuộc sống tự do cho mỗi người.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn P, bà K không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Viết K1, sinh ngày 23/10/1982 đã trưởng thành, có gia đình riêng, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên bà K không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn (ông Nguyễn Văn P) mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ:

[1]. Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy, do bất đồng quan điểm sống giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà K có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông P nên đây là vụ kiện “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn (ông P) hiện đang cư trú tại ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh BT (nay là xã C, tỉnh VL) nên Tòa án nhân dân Khu vực 6 -VL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn (ông P) nhiều lần được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, hôn nhân của bà K với ông P là trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Mặc dù ông, bà không có đăng ký kết hôn nhưng ông, bà chung sống với nhau từ năm 1979, nên được xem là hôn nhân thực tế theo qui định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà K cho rằng quan hệ hôn nhân của bà với ông P đã có sự phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời ông P đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông bà, nhưng ông P cố tình vắng mặt không lý do, chứng tỏ ông P không có thiện chí để hòa giải hàn gắn.

Mặc khác, bà K còn cho rằng từ khi ông bà phát sinh mâu thuẫn thì ông P thường xuyên đi làm ăn xa, lâu lâu mới về nhà chứ không hề có sự trao đổi hàn gắn, mà mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai, trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, bà K vẫn cương quyết ly hôn, không chấp nhận rút đơn để hàn gắn. Điều đó cho thấy, hôn nhân của bà K với ông P đã có sự rạn nứt, không thể hàn gắn được nên yêu cầu xin ly hôn của bà K là có cơ sở để chấp nhận theo qui định tại Điều 85, 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại phiên tòa, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: theo đơn kiện bà K cho rằng bà với ông P có 01 người con chung tên Nguyễn Viết K1, sinh ngày 23/10/1982, đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, có gia đình riêng nên bà K không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Tài sản chung: tự thỏa thuận, bà K không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nợ chung: không có.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-BTVQH14 và điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, do bà K là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35 của Quốc hội; Điều 80, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 28, 227, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: gồm có 01 người con chung tên Nguyễn Viết K1, sinh ngày 23/10/1982 đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân, có gia đình riêng nên bà K không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng. Buộc bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch. Tuy nhiên, bà K là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại Điều 12 Nghị quyết 326.

- Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo qui định của pháp luật.

- Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 6-VL;
- THADS tỉnh VL;
- Phòng GDKT-TT&THA TAND tỉnh;
- UBND xã L;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LÊ THỊ THÚY HẰNG